

**BÁO CÁO**  
**Xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2015.**

Thực hiện Công văn số 2066/BNN-TCLN ngày 26/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh báo cáo kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2015 của tỉnh Đắk Lắk, như sau:

**I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 6 tháng đầu năm và ước khả năng thực hiện kế hoạch năm 2014:**

**1. Tình hình triển khai kế hoạch bảo vệ rừng 6 tháng đầu năm 2014:**

a) Về kiểm tra rà soát hoạt động các xưởng chế biến lâm sản và cơ sở sản xuất đồ mộc:

UBND tỉnh ban hành Công văn số 1903/UBND-NNMT ngày 25/3/2014 và Thông báo số 88/TB-UBND ngày 15/5/2014, giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh và chính quyền địa phương tiến hành 2 đợt kiểm tra. Kết quả kiểm tra như sau:

- Đối với các xưởng chế biến lâm sản: Tổng số đang hoạt động là 47 cơ sở. Kiểm tra đối chiếu việc tuân thủ quy định pháp luật của các xưởng chế biến lâm sản (6 tiêu chí) cho kết quả như sau: 10 cơ sở đảm bảo 6 tiêu chí đã vào cụm công nghiệp, 08 cơ sở đảm bảo 6 tiêu chí nhưng chưa vào cụm công nghiệp (do địa phương chưa có), 07 cơ sở đảm bảo 5 tiêu chí, 08 cơ sở đảm bảo 4 tiêu chí, 05 cơ sở đảm bảo 2 tiêu chí, 07 cơ sở đảm bảo 1 tiêu chí, 02 cơ sở hoạt động không đúng ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Ngoài ra, thời gian vừa qua đã có 16 cơ sở tự ngừng hoạt động, 08 cơ sở bị đình chỉ và tạm đình chỉ hoạt động.

- Đối với các cơ sở mộc: Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 322 cơ sở sản xuất đồ mộc đang hoạt động. Đa số các cơ sở mộc đan xen trong các khu dân cư, hoạt động sản xuất theo thời vụ, chủ yếu nhận gia công cho khách hàng và người dân địa phương, nguồn nguyên liệu chủ yếu đưa vào sản xuất là gỗ rừng tự nhiên, một số cơ sở nguồn nguyên liệu rừng trồng, phần lớn nguồn gốc lâm sản không hợp pháp. Kết quả kiểm tra có 261 cơ sở có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 61 cơ sở không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Các cơ sở mộc chủ yếu đóng thuế khoán hàng tháng, thuế môn bài nhưng theo báo cáo việc chấp hành nộp thuế hầu hết là không đầy đủ.

Ngoài số cơ sở đang hoạt động, thời gian qua có 17 cơ sở tự ngừng hoạt động, 23 cơ sở bị đình chỉ và tạm đình chỉ hoạt động.

b) Công tác kiểm kê rừng



- Kết quả thực hiện: Tỉnh Đắk Lắk có tổng số 183 xã, trong đó 133/183 xã có rừng và đất lâm nghiệp phải thực hiện hiện kiểm kê. Tất cả các xã đều thành lập Tổ kiểm kê rừng (KKR), phân công nhiệm vụ cho các thành viên, lập kế hoạch KKR cấp xã, họp xã, họp thôn buôn để quán triệt công tác KKR để tổ chức kiểm kê diện tích do cộng đồng, hộ gia đình và diện tích do UBND xã quản lý (gọi là chủ rừng nhóm I).

Diện tích do các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp quản lý (gọi là chủ rừng nhóm II) là đơn vị, trong đó có 15 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp, 9 Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, 05 đơn vị lực lượng vũ trang và 56 tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp khác.

Sau khi triển khai các bước hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tại cơ sở, kết quả đến ngày 30/6/2014 như sau:

+ Đối với chủ rừng nhóm I: Đã thực hiện xong thực địa là: 118/133 xã; 15 xã đang thực hiện được 80 - 90% khối lượng tại thực địa. Hiện nay, các xã đang tập trung chỉnh lý, kê phiếu, tổng hợp và xác nhận của chính quyền địa phương). Một số huyện đã thực hiện xong như: Krông Năng, Krông Búk, TX Buôn Hồ, TP Buôn Ma Thuột...

+ Đối với chủ rừng nhóm II:

Các công ty TNHH MTV lâm nghiệp: 15/15 đơn vị chưa thực hiện xong (khối lượng hoàn thành 70 – 90%; một số đơn vị đạt 50 – 60 %: Công ty TNHH MTVLN: Chư Pả, Ea Hleo).

Các Ban quản lý rừng: 02 đơn vị Vườn quốc gia Yok Đôn và Ban QLR PH Buôn Đôn đã thực hiện xong; Ban QLR khu di tích LSVH MT Hồ Lắk chỉ đạt 30%, 06 đơn vị còn lại thực hiện 80 – 90 % khối lượng công việc tại thực địa.

Các đơn vị lực lượng vũ trang: 03 đơn vị đã thực hiện xong KKR (Trung đoàn 736, 737 thuộc Binh đoàn 16 và Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh); 02 đơn vị chưa thực hiện xong (Thao trường quân sự tại huyện Buôn Đôn thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Quân Đoàn 3 tại huyện Ea Hleo).

Các tổ chức kinh tế, sự nghiệp khác: 17 đơn vị đã thực hiện xong; 14 dự án đang thực hiện; 25 dự án chưa thực hiện.

- Kinh phí thực hiện KKR: Ngày 14/2/2014, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 254/QĐ-TTg về việc bổ sung kinh phí năm 2014 để thực hiện dự án Tổng điều tra KKR; Sở Tài chính thẩm định và báo cáo UBND tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí, tổng dự toán: 18,48 tỷ; trong đó vốn Trung ương đã cấp: 12,94 tỷ, vốn đối ứng địa phương 5,54 tỷ.

c) Kiểm tra, rà soát các dự án trồng rừng, trồng cao su và nông lâm nghiệp khác:

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 03/3/2014 thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá thực hiện các dự án trồng cao su, trồng rừng trên địa bàn huyện Ea H'leo. Đến nay, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại



địa bàn Ea H'leo được 9 dự án, kết quả sơ bộ cho thấy một số doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án khá tốt như Công ty CP Hoàng Anh Đăk Lăk, DNTN Thuận Thiên, Công ty TNHH Đăk Nguyên; trong khi đó một số doanh nghiệp triển khai dự án chưa hiệu quả, để phá rừng trong vùng dự án như: Công ty TNHH Rừng Xanh, Công ty TNHH Hoàng Nguyên (Đoàn kiểm tra đang tiếp tục thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả).

d) Công tác kiểm tra, xử lý chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép:

Các ngành và UBND cấp huyện tiếp tục triển khai các hoạt động ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác, vận chuyển, mua bán gỗ trái phép, chống người thi hành công vụ theo các nội dung của Chỉ thị 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 5991/KH-UBND ngày 17/11/2011; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 16/03/2012. Đối với Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Kế hoạch số 266/KH-SNNNT, ngày 7/3/2014 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Kế hoạch xử lý ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác, vận chuyển, mua bán gỗ trái phép năm 2014. Kết quả cụ thể trên một số địa bàn trọng điểm như sau:

- Tại huyện Ea Súp: UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 và kế hoạch 43/KH-UBND ngày 13/5/2014 của UBND huyện Ea Súp thành lập và kế hoạch hoạt động của đoàn liên ngành kiểm tra công tác quản lý, bảo vệ rừng tại các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp trên địa bàn huyện thời gian gần đây. Công tác kiểm tra ngăn chặn phá rừng được triển khai thực hiện thường xuyên quyết liệt, tập trung lực lượng kiểm tra các vùng trọng điểm thường xảy ra phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp như tại một số dự án trồng rừng, cải tạo rừng, quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn các xã. Tại Tiểu khu 215 phá bỏ 3 lán trại làm bằng gỗ, diện tích 60m<sup>2</sup> và 1.200 m bờ rào kẽm gai khu vực phòng thủ quân sự SH1; thu hồi được 100,0 ha rừng, đất rừng giao cho UBND xã quản lý. Tại khoảnh 5, 6, 7, 8, 10 tiểu khu 196 do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Rừng Xanh quản lý, đã kiểm tra phá bỏ được 17 lán trại (trong đó vận động tự tháo dỡ 14 lán trại, 03 lán trại do đoàn liên ngành của huyện cưỡng chế tháo dỡ), diện tích phá bỏ 365m<sup>2</sup> lán trại, thu hồi 14,4 ha đất rừng giao cho Công ty quản lý. Tổ chức kiểm tra, uốn nắn, chấn chỉnh công tác QLBRV tại Công ty TNHH MTV LN Ea H'mơ

- Tại huyện Buôn Đôn: Tổ chức lực lượng liên ngành gồm Kiểm lâm, Công an, Quân đội...tăng cường kiểm tra quản lý bảo vệ, kiểm tra ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng, khai thác trái phép và kiểm tra công tác tổ chức quản lý bảo vệ rừng của Khu du lịch sinh thái Bản Đôn thuộc công ty TNHH MTV cao su Đăk Lăk; Kiểm tra, chấn chỉnh công tác quản lý, bảo vệ rừng của Ban QLR phòng hộ Buôn Đôn. Tổ chức lực lượng liên ngành kiểm tra xử lý phương tiện độ chế theo Công văn số 7284/UBND-NN.MT của UBND tỉnh. Kết quả qua một tháng kiểm tra xử lý tịch thu được 15 xe độ chế, xử lý phạt 110 triệu đồng; tổ chức cho 43 cơ sở sản xuất và 39 hộ gia đình có xe độ chế ký cam kết không vi phạm sản xuất độ chế và tháo bỏ, không tham gia vận chuyển lâm sản trái phép;



+ Huyện Krông Bông: Tăng cường tổ chức kiểm tra ngăn chặn tình trạng phá rừng tại xã Hoà Phong, Khuê Ngọc Điền và tại các tiểu khu 1153, 1154, 1178 của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Krông Bông; Kiểm tra tình hình khai thác gỗ trái phép, đặc biệt là gỗ quý hiếm tại các xã Yang Mao, Cư Drăm, Ea Trul, Vườn Quốc gia Chư Jang Sin;

+ Huyện M'Đrăk, huyện Ea Kar: Tập trung kiểm tra, truy quét các tụ điểm khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản, săn bắt động vật rừng trái phép trên địa bàn vùng giáp ranh với các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa; Tại khu Bảo tồn thiên nhiên Ea Sô, sau khi triển khai Trạm Kiểm lâm khu vực giáp ranh với huyện Krông Pa (Gia Lai) tình hình xâm nhập trái phép vào Khu bảo tồn đã giảm hơn so với thời gian trước đây.

- Huyện Cư Mgar: Tập trung kiểm tra ngăn chặn phá rừng trên địa bàn. Phối hợp Sở Thông tin truyền thông tỉnh kiểm tra xử lý các thông tin phản ánh của Báo chí về tình hình phá rừng, lấn chiếm rừng của Công ty TNHH-MTV Buôn Ja Văm;

- Huyện Lắk: Kiểm tra, thống kê dân di cư tự do trên địa bàn các xã; lập biên bản phá hủy 04 lán trại tạm dựng trái phép trong rừng.

- Huyện Krông Năng: UBND huyện chỉ đạo kiểm tra nhằm tăng cường trách nhiệm của các ngành chức năng, UBND các xã và chủ rừng trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các cấp các ngành. Qua kiểm tra, đã bắt quả tang, lập biên bản và xử lý 04 vụ phá rừng trái pháp luật, diện tích thiệt hại: 1,19 ha. Tổng cộng đã kiểm tra, xử lý 23 vụ, tịch thu hơn 22 m<sup>3</sup> gỗ các loại, 05 xe độ chế.

đ) Kết quả xử lý vi phạm về quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản: 06 tháng đầu năm 2014, tổng số vụ vi phạm đã kiểm tra phát hiện là: 1.207 vụ; lâm sản tịch thu: 1.963 m<sup>3</sup> gỗ các loại; phương tiện tịch thu: 1.458 chiếc; tiền thu sau xử lý gần 11 tỷ đồng. So sánh cùng kỳ năm trước, số vụ vi phạm giảm 12,2 %; (6 tháng 2013 vi phạm 1.374 vụ). Số vụ đã khởi tố hình sự 6 tháng năm 2014 là 07 vụ (một số vụ khác đang củng cố hồ sơ), trong đó: 04 vụ phá rừng (huyện Ea H'leo 01 vụ, huyện Ea Súp 01 vụ, huyện M'Đrăk 02 vụ); 03 vụ vận chuyển gỗ trái pháp luật.

Các hành vi vi phạm chủ yếu sau:

- Hành vi phá rừng: 17 vụ diện tích bị phá là 10,0 ha đã lập biên bản xử lý; (diện tích phá mới chưa xác định được đối tượng là 30,19 ha).

- Khai thác rừng trái phép: 36 vụ, giảm 36,8 % so với cùng kỳ năm 2013; chủ yếu khai thác gỗ lén lút, khai thác gỗ làm trụ tiêu, khai thác các loài gỗ đặc chủng có giá trị kinh tế tại các vùng dự án, khu vực rừng tuyên biên giới, vùng giáp ranh với các tỉnh;

- Vận chuyển trái phép gỗ, lâm sản là 512 vụ giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2013; mua bán trái phép gỗ, lâm sản: 307 vụ, giảm 21,7%; vận chuyển, mua bán trái phép động vật hoang dã: 13 vụ, giảm 18,8%. Tình trạng mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật ngày càng tinh vi, đối tượng vi phạm thường



xuân thay đổi thời gian, phương thức, phương tiện vận chuyển, sử dụng giấy tờ hợp pháp để quay vòng nhiều lần, một số trường hợp giả mạo giấy tờ để mua bán, vận chuyển gỗ.

- Các vi phạm khác: 321 vụ vi phạm về thủ tục trình kiểm, quản lý, quy trình quy phạm, đặt bẫy săn bắt động vật. Trong 06 tháng đầu năm 2014 tại tỉnh Đắk Lắk xảy ra nhiều vụ chống người thi hành công vụ, trong đó có 02 vụ gây thương tích cho 05 công chức kiểm lâm. Hiện tại, các vụ việc này đang được điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

## **2. Phát triển rừng và sử dụng rừng 6 tháng đầu năm 2014:**

### **a) Đánh giá tình hình thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ:**

Thực hiện Quyết định số 2808/QĐ-BNN-TCLN ngày 21/8/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2014; Quyết định số 2011/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2014; Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2014 cho các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh; Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2014 cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và vốn ODA năm 2014 và Công văn số 969/UBND-NN-MT ngày 05/02/2013 của UBND tỉnh về việc triển khai Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2013 với nhiệm vụ trọng tâm về phát triển rừng là trồng rừng mới 5.000ha (trồng rừng phòng hộ 250ha, trồng rừng đặc dụng là 50ha; trồng rừng sản xuất là 4.700 ha); Trồng cây phân tán: 1.000.000 cây, Chăm sóc rừng trồng năm 2, 3, 4, Khoán bảo vệ rừng hiện có..., 06 tháng đầu năm 2014, kết quả đạt được như sau:

- Công tác Trồng rừng: Các đơn vị có đăng ký kế hoạch trồng đang tiến hành xử lý thực bì được 3.450/5.000ha, đạt 69% so với kế hoạch, tiến hành đào hố, chuẩn bị nguồn cây giống đạt yêu cầu theo Quyết định số 89/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, để tiến hành trồng rừng khi bắt đầu bước vào đầu mùa vụ trồng rừng từ ngày 15/6/2014 tại các huyện: Krông Bông, Lắk, Ea Súp, Ea H'Leo, Krông Pắc và kết thúc mùa vụ trồng rừng vào cuối tháng 9 năm 2014. Các huyện còn lại thời vụ trồng rừng bắt đầu tháng 9/2014 thuộc các huyện: Ea Kar, M'Đrăk và kết thúc mùa vụ trồng rừng vào cuối tháng 11 năm 2014. Dự kiến đến tháng 12/2014 trồng được 5.000ha rừng trên địa bàn tỉnh.

Tính đến nay đã trồng được 1.100ha/5.000ha. Hiện nay các đơn vị đang tiếp tục triển khai thực hiện.

- Chương trình trồng cây phân tán: Thực hiện Nghị Quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30/8/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá VII, kỳ họp thứ 2 về Phát triển rừng tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011-2015, trong đó có nhiệm vụ trồng



1.000.000 cây phân tán/năm. Việc trồng cây phân tán, hiện nay UBND các huyện đang triển khai thực hiện.

Tính đến nay, theo báo cáo của UBND các huyện toàn tỉnh Đắk Lắk đã đăng ký kế hoạch trồng cây phân tán năm 2014 là 589.250cây/1.000.000 cây.

- Công tác quản lý sản xuất, kinh doanh rừng: Tiếp tục kiện toàn tổ chức, thực hiện bổ sung, đổi mới cơ chế chính sách, tổ chức bộ máy để nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp, nâng cao quyền tự chủ trong kinh doanh rừng cho chủ rừng là doanh nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển rừng, cây phân tán, đảm bảo về chất lượng, hiệu quả; khuyến khích các doanh nghiệp, hộ dân đầu tư phát triển rừng sản xuất, trồng rừng phòng hộ kết hợp kinh tế, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, xuất khẩu. Nghiên cứu bổ sung các loài cây trồng rừng phù hợp, hiệu quả;

Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi chặt chẽ các dự án Nông lâm nghiệp để tháo gỡ vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án thực hiện đúng tiến độ, đồng thời phát hiện, xử lý nghiêm các sai phạm;

- Công tác giống cây trồng lâm nghiệp: Tiếp tục triển khai Đề án chương trình giống của tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt; nghiên cứu, thử nghiệm các giống mới năng suất cao, sức đề kháng tốt, phù hợp điều kiện từng vùng, phù hợp với mục đích sản xuất đồng thời tuyên truyền, quảng bá, hướng dẫn sử dụng các loại giống mới đã mang lại hiệu quả. Xây dựng, triển khai các dự án giống trọng điểm.

b) Xây dựng và triển khai kế hoạch trồng bù rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng:

Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang phối hợp với Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức rà soát, tổng hợp số liệu diện tích lần cuối các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để tham mưu xây dựng kế hoạch trồng bù rừng theo Quyết định số 829/QĐ-BNN-TCLN ngày 23/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Đề án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và Công văn số 3185/UBND-NN&MT ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc triển khai Đề án trồng rừng thay thế khi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Đồng thời Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tài chính xây dựng bộ đơn giá trồng rừng thay thế trình UBND tỉnh phê duyệt nhằm làm cơ sở để các chủ dự án không có điều kiện tổ chức trồng rừng thay thế có thể nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng.

c) Triển khai Chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua các biện pháp giảm nguy cơ mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững (gọi tắt là Chương trình REDD+). Để triển khai Chương trình này, ngày 09/01/2014, UBND tỉnh đã có Công văn số 185/UBND-NNMT báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung tỉnh Đắk Lắk vào danh mục các tỉnh thực hiện



Chương trình REDD+ thí điểm giai đoạn 2011-2015. Tuy nhiên cho đến nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vẫn chưa có ý kiến nên chưa có cơ sở để triển khai thực hiện.

### **3. Tình hình giải ngân các nguồn vốn:**

Trong 6 tháng đầu năm 2014, mặc dù gặp nhiều khó khăn, tỉnh Đắk Lắk đã cố gắng bố trí vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương, Trung ương cho các đơn vị. Đã giải ngân nguồn vốn Quản lý bảo vệ rừng sản xuất nghèo kiệt thực hiện theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2014 cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và vốn ODA năm 2014. Tình hình giải ngân như sau:

- Trồng rừng, kế hoạch năm là 39.990 triệu đồng, đã giải ngân tính đến tháng 6 năm 2014 là 1.764 triệu đồng.
- Chăm sóc rừng, kế hoạch năm là 10.042 triệu đồng, đã giải ngân tính đến tháng 6 năm 2014 là 8.413 triệu đồng.
- Quản lý bảo vệ rừng sản xuất nghèo kiệt, kế hoạch năm là 14.445 triệu đồng, đã giải ngân tính đến tháng 6 năm 2014 là 3.297 triệu đồng.
- Số tiền thu từ bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng, kế hoạch năm là 41.762 triệu đồng, đã thu tính đến tháng 6 năm 2014 là 34.110 triệu đồng.
- Số tiền đã chi trả cho chủ rừng, kế hoạch năm là 37.033 triệu đồng, đã giải ngân tính đến tháng 6 năm 2014 là 20.773 triệu đồng.

### **4. Đánh giá chung:**

Việc triển khai các chương trình, kế hoạch để thực hiện Chỉ thị 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ đã được các cấp, các ngành triển khai thực hiện liên tục, đặc biệt là trong quý II/2014. Kết quả hoạt động bảo vệ rừng thời gian qua có những chuyển biến tích cực, đã kiểm tra ngăn chặn và xử lý được nhiều điểm nóng xâm hại tài nguyên rừng trên địa bàn.

Hiện nay Chính phủ đã ban hành Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; đây là biện pháp xử lý nghiêm minh đối với các chủ dự án có diện tích rừng chuyển đổi mà chưa tiến hành trồng lại rừng theo đúng quy định hiện hành; làm tăng vai trò, trách nhiệm của các chủ Dự án để khẩn trương xây dựng phương án trồng rừng thay thế theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc



tăng cường chỉ đạo thực hiện trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích sử dụng khác.

Tuy nhiên, so với yêu cầu việc tổ chức thực hiện ở nhiều địa phương còn những tồn tại như sau:

- Rừng vẫn tiếp tục bị phá, bị lấn chiếm ở một số địa phương, trên diện tích do chủ rừng là Công ty, Doanh nghiệp, chủ dự án quản lý. Việc giải tỏa, thu hồi diện tích rừng, đất rừng bị phá, bị lấn chiếm trái pháp luật để phục hồi lại rừng theo Chỉ thị 03/CT-UBND của UBND tỉnh gặp nhiều khó khăn, phức tạp, chưa đạt yêu cầu đặt ra;

- Tình hình khai thác, chế biến, vận chuyển gỗ trái phép còn tiếp diễn ở nhiều nơi trong tỉnh, thậm chí tồn tại một số “điểm nóng” và “đầu nậu” khai thác gỗ trái phép, nhất là gỗ quý hiếm trong các Vườn quốc gia, vùng biên giới và các đường dây khai thác, vận chuyển lâm sản tại các địa bàn trọng điểm như huyện Buôn Đôn, Ea Súp, Ea H’leo, Krông Bông, M’Đrăk... Việc xử lý các phương tiện độ chế, không đủ tiêu chuẩn lưu hành tham gia vận chuyển gỗ chưa có sự quyết tâm thực hiện của các ban, ngành chức năng và của UBND cấp huyện, cấp xã;

- Các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp đang gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nhiều đơn vị quản lý bảo vệ rừng kém hiệu quả; Đơn giá trồng rừng phòng hộ, đặc dụng đã được điều chỉnh năm 2011 còn thấp so với thực tế. Đối với chương trình trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp thiếu vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (hỗ trợ thấp) nên việc triển khai trồng rừng chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp, người dân tham gia trồng rừng.

- Việc điều tra, thống kê phân loại các “đầu nậu” phá rừng, khai thác, mua bán vận chuyển gỗ và phương tiện độ chế tham gia vận chuyển lâm sản đã được các địa phương thực hiện, song việc xử lý chưa triệt để.

- Vai trò quản lý nhà nước về rừng của đa số các xã trên địa bàn còn hạn chế. Công tác phối hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm, Quân đội, Công an và các chủ rừng đã được triển khai thực hiện tốt hơn. Tuy vậy, vẫn chưa được thường xuyên, chưa mang lại hiệu quả theo yêu cầu đặt ra.

- Các chủ Dự án có diện tích rừng chuyển đổi muốn lập phương án trồng bù rừng phải tự liên hệ với các chủ rừng, địa phương có quỹ đất; điều này gây trở ngại cho việc thực hiện vì các chủ Dự án không có chuyên môn trong lĩnh vực trồng rừng.

- Công tác tuyên truyền bảo vệ rừng, tuy đã được chú trọng và thúc đẩy nhưng chưa tạo thành sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia công tác tuyên truyền bảo vệ rừng.

Nguyên nhân của việc tồn tại nêu trên, ngoài những nguyên nhân về khách quan như: Điều kiện tự nhiên, dân sinh, kinh tế xã hội tỉnh còn khó khăn, ảnh hưởng của dân di cư tự do, các cơ chế, chính sách về lâm nghiệp còn bất cập,



thiếu đồng bộ, đặc điểm kinh doanh, xã hội nghề rừng...; thì có các nguyên nhân chủ quan sau đây cần có biện pháp chấn chỉnh khắc phục:

- Trước hết trách nhiệm của chủ rừng chưa được phát huy, chưa có thay đổi cơ bản về cơ chế quản lý, nội dung và phương thức hoạt động; chưa chủ động trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; quản lý rừng và đất lâm nghiệp lỏng lẻo, sử dụng đất đai kém hiệu quả, lãng phí, giao khoán đất và rừng không hợp lý để lại nhiều hậu quả đến nay rất khó giải quyết. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của nhiều công ty thấp kém, thu nhập của cán bộ, công nhân viên chưa được cải thiện, đời sống khó khăn nhiều công ty nợ lương và thuế kéo dài, đang đứng trước nguy cơ giải thể, phá sản. Nhiều chủ rừng thiếu sự phối hợp tổ chức bảo vệ rừng, kiểm tra, không kiểm soát hết lâm phần quản lý, thiếu sự phối hợp và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng hữu hiệu, một số nơi có tình trạng buông lỏng quản lý, bao che hoặc làm ngơ cho lâm tặc khai thác tài nguyên rừng và đất rừng, một số nơi đã có hiện tượng, biểu hiện tiêu cực trong công tác quản lý rừng, năng lực hoạt động, sử dụng cán bộ của các công ty còn nhiều yếu kém.

- Vai trò quản lý nhà nước về rừng của cấp xã, huyện: Một số nơi, chính quyền địa phương chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm, thiếu đầu tư quan tâm đến công tác QLBR, xem việc bảo vệ rừng đã có chủ rừng thực hiện, từ đó việc cụ thể hoá, tuyên truyền các văn bản của Đảng, Nhà nước về rừng việc tuyên vận động người dân tham gia bảo vệ rừng chưa được chú trọng hiệu quả. Ở những trọng điểm phá rừng, lấn chiếm đất rừng nghiêm trọng, chính quyền địa phương thiếu kiên quyết chỉ đạo xử lý còn lúng túng; công tác kiểm tra và phối hợp tổ chức kiểm tra cũng chưa được thường xuyên, nhất là chưa có biện pháp ngăn chặn ngay từ đầu, dẫn đến gây hậu quả dẫn đến lấn chiếm phá rừng, canh tác đất rừng trái phép kéo dài khó xử lý.

- Trách nhiệm của các ngành chức năng: Việc thực thi phối hợp thực hiện bảo vệ rừng, đấu tranh, điều tra, xử lý vi phạm chưa được đồng bộ, một số ngành được giao nhiệm vụ chủ trì để giải quyết công việc nhưng chưa chủ động thực hiện, dẫn đến hiệu quả thực hiện bảo vệ rừng quản lý sử dụng đất lâm nghiệp còn nhiều hạn chế và tồn tại như vấn đề xử lý rừng, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm, xử lý thu hồi rừng, xử lý đầu nậu, lâm tặc, phương tiện độ chế. Lực lượng Kiểm lâm còn mỏng, nhiều khi đơn độc trang thiết bị, phương tiện còn thiếu, khi gặp đối tượng chống đối có tổ chức thì không đủ khả năng khống chế; còn có một bộ phận Kiểm lâm có những biểu hiện tiêu cực, không làm tròn trách nhiệm được giao, gây ra một số dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân.

## **II. Xây dựng Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2015:**

### **1. Mục tiêu của Kế hoạch bảo vệ và Phát triển rừng 2015:**

#### **a) Mục tiêu chung:**

- Phân đầu năm 2015, ngành lâm nghiệp Đắc Lắc trở thành một ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa, xã hội hóa nghề rừng, trên cơ sở tổ chức, quản lý, sử dụng tài nguyên rừng bền vững để làm nền tảng cho việc phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng.



- Nâng độ che phủ rừng; đến năm 2015 cơ bản diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao và cho thuê; thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển rừng;

b) Mục tiêu cụ thể:

- Về kinh tế:

Tập trung đầu tư phát triển cả 3 loại rừng theo phương thức xã hội hóa nghề rừng có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế để tạo ra nguồn sản phẩm hàng hóa phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu sử dụng lâm sản trong tỉnh và góp phần xuất khẩu.

Sử dụng có hiệu quả các khu rừng kinh tế là rừng tự nhiên, tập trung trồng rừng nguyên liệu công nghiệp với phương thức thâm canh, sử dụng lâm sản với giá thành hợp lý, chất lượng sản phẩm có thể cạnh tranh trên thương trường quốc tế.

- Mục tiêu xã hội:

Sắp xếp lại các doanh nghiệp lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp. Cùng cố các ban quản lý rừng để thực hiện chức năng quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ đồng thời làm nòng cốt trên địa bàn góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng sâu, vùng xa. Ngoài nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, thu hút lao động, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, các đơn vị lâm nghiệp của tỉnh cùng với các ngành khác phối hợp xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ khoa học kỹ thuật, góp phần nâng cao dân trí các cộng đồng sống gần rừng.

- Chương trình Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Đắk Lắk nhằm mục đích bảo vệ được diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng được giữ vững, góp phần giảm nhẹ thiên tai, ổn định môi trường sinh thái. Đã tạo được diện tích rừng sản xuất, rừng trồng phòng hộ, đặc dụng có năng suất, chất lượng cao, tạo nhiều vùng nguyên liệu để cung cấp gỗ, lâm sản cho công nghiệp chế biến, tăng thu nhập của người dân, góp phần bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học. Cũng như đã phần nào đáp ứng về xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu để phát triển kinh tế, xã hội vùng Dự án như đường giao thông, các công trình lâm sinh phục vụ công tác bảo vệ, phát triển rừng.

- Về môi trường: Bảo vệ, xây dựng diện tích rừng của tỉnh ổn định để phát huy các chức năng của rừng như phòng hộ môi trường, cảnh quan du lịch, bảo tồn nguồn gen quý hiếm và cung cấp lâm sản. Từng bước nâng cao độ che phủ của rừng để cải thiện môi trường sinh thái, bảo đảm chất lượng cuộc sống cho nhân dân và sự phát triển của tỉnh.

- Về an ninh, quốc phòng: Tập trung bảo vệ tốt khu vực rừng biên giới giáp với Campuchia để tạo vành đai hành lang phục vụ cho quốc phòng. Xây dựng hệ thống rừng quốc phòng ở các vùng căn cứ cách mạng, các tuyến hành lang quan trọng để làm nhiệm vụ phục vụ công tác quốc phòng. Phát triển lâm nghiệp toàn



diện để cải thiện đời sống nhân dân nông thôn, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh

## **2. Nhiệm vụ:**

### **2.1. Bảo vệ rừng:**

Tăng cường công tác bảo vệ rừng, đẩy mạnh công tác giao đất giao rừng, khoán bảo vệ rừng, nhiệm vụ năm 2015 bảo vệ rừng với diện tích 255.425ha, trong đó:

- Khoán bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất từ nguồn vốn DVMTR với diện tích 112.211,8 ha, bao gồm:

+ Khoán bảo vệ rừng đặc dụng: 79.524,4ha;

+ Khoán bảo vệ rừng phòng hộ: 15.511,4ha;

+ Khoán bảo vệ rừng sản xuất: 17.176ha.

- Quản lý bảo vệ rừng phòng hộ tập trung từ nguồn vốn Trung ương với diện tích 25.480ha;

- Quản lý rừng để bảo vệ đầu tư phát triển rừng do Nhà nước đầu tư kinh phí đặt hàng các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp từ nguồn vốn Trung ương với diện tích 25.921ha.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất nghèo kiệt cho các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh và rừng vành đai biên giới từ nguồn vốn địa phương với diện tích 66.952 ha.

- Bảo vệ rừng đặc dụng theo Quyết định 24/2012/QĐ-TTg từ nguồn vốn địa phương với diện tích 20.469ha.

- Diện tích rừng đưa vào khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên từ nguồn vốn Trung ương với diện tích 4.400 ha.

*(chi tiết tại Biểu 1, 2, 3 kèm theo)*

### **2.2. Phát triển rừng:**

Đẩy mạnh công tác trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng, trồng cây phân tán trên toàn bộ diện tích đất chưa có rừng đã quy hoạch phát triển lâm nghiệp, đặc biệt chú trọng đầu tư trồng rừng sản xuất theo hướng thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng phục vụ gỗ nguyên liệu giấy, chế biến gỗ nhỏ và ván nhân tạo. Phấn đấu phát triển rừng năm 2015 như sau:

- Trồng rừng 3.450 ha (trong đó: trồng rừng phòng hộ 200ha, đặc dụng 50 ha, trồng rừng sản xuất 3.200 ha).

- Trồng cây phân tán: 2.000.000 cây.

- Chăm sóc rừng trồng: 10.443 ha (trong đó: rừng phòng hộ, đặc dụng 460ha, rừng sản xuất 9.984 ha).

- Cải tạo rừng: 1.901 ha.

*(chi tiết tại Biểu 1, 2, 3 kèm theo)*



### **2.3. Xây dựng đầu tư công trình lâm sinh:**

- Công trình PCCCR: 26 công trình.
- Trồng và chăm sóc thử nghiệm mô hình cây Mắc ca: 10ha.
- Dự án khẩn cấp bảo tồn voi.
- Xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp: 75km.
- Xây dựng Trạm QLVR: 8 trạm.

*(chi tiết tại Biểu 1, 2, 3 kèm theo)*

### **3. Giải pháp thực hiện:**

#### **3.1. Về công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức:**

- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, mỗi chủ rừng, mỗi người dân và toàn xã hội trong việc bảo vệ và phát triển rừng, đi đôi với tăng cường quản lý nhà nước, thể chế và pháp luật.

- Đổi mới công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, gắn liền giáo dục pháp luật với nâng cao nhận thức về chia sẻ lợi ích trong việc bảo vệ và phát triển rừng cho mỗi gia đình và cộng đồng dân cư địa phương.

#### **3.2. Về bảo vệ rừng:**

- Có cơ chế và giải pháp phối hợp có hiệu quả giữa cộng đồng dân cư thôn, buôn với chủ rừng, chính quyền cấp xã và cơ quan kiểm lâm trong công tác bảo vệ rừng. Chú trọng đến việc chia sẻ trách nhiệm và lợi ích giữa Nhà nước, cộng đồng dân cư và chủ rừng trong quá trình phát hiện, ngăn chặn và trấn áp lâm tặc. Tiếp tục đầu tư giao khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình một cách lâu dài theo cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp giữa hình thức và biện pháp xử phạt theo pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tính giáo dục, thuyết phục và răn đe các hành vi xâm hại rừng. Tiếp tục kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực lực lượng kiểm lâm, đặc biệt là đội ngũ kiểm lâm địa bàn.

#### **3.3. Về giao, cho thuê rừng:**

Đổi mới công tác giao đất, giao rừng, cho thuê đất, thuê rừng về trình tự, thủ tục, phương pháp tổ chức thực hiện và đề xuất hạn mức giao, cho thuê gắn liền với cơ chế hưởng lợi cho từng chủ rừng, từng loại rừng, phù hợp điều kiện thực tế tại địa phương.

#### **3.4. Về khoa học, công nghệ và khuyến lâm:**

- Về khoa học và công nghệ: đưa công nghệ thông tin vào quản lý lâm nghiệp, xúc tiến thương mại, bước đầu tập trung lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cháy rừng bằng công nghệ GIS. Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong và ngoài nước nhất là trong lĩnh vực sản xuất và chế biến lâm sản, giống và cây trồng lâm nghiệp. Phát huy



kinh nghiệm của đồng bào dân tộc tại chỗ về QLBR, khai thác và sử dụng tài nguyên rừng.

- Về khuyến lâm: Xây dựng hệ thống khuyến lâm đến cấp huyện với số lượng cán bộ trong biên chế Nhà nước, riêng ở cấp xã, cán bộ khuyến lâm theo chế độ hợp đồng, đồng thời khuyến khích các tổ chức và cá nhân tự nguyện tham gia vào hoạt động khuyến lâm ở cấp cộng đồng, thôn, buôn.

Kêu gọi các dự án quốc tế hỗ trợ các hoạt động đào tạo, tăng cường năng lực cải thiện sinh kế và khuyến lâm cho người dân trên địa bàn tỉnh.

### **3.5. Về thị trường:**

Tạo điều kiện thuận lợi cho các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp, Công ty cổ phần, Tập đoàn Trường Thành, Tập đoàn nguyên liệu giấy Tân Mai xây dựng các nhà máy chế biến gỗ, nhà máy giấy ... nhằm mở ra thị trường tiêu thụ gỗ nguyên liệu trên địa bàn tỉnh.

### **3.6. Về hợp tác quốc tế:**

Tranh thủ tối đa hợp tác quốc tế như Ngân hàng ADB, nguồn vốn ODA, Tiếp cận các nguồn vốn của Quỹ Ủy thác lâm nghiệp (TFF), Quỹ Bảo tồn Việt Nam (VCF), Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), Cơ chế phát triển sạch nhằm thúc đẩy nghiên cứu một số vấn đề mà ngành đang quan tâm như: phục hồi rừng tự nhiên, phát triển rừng, xóa đói giảm nghèo, xây dựng tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC và áp dụng các biện pháp lâm sinh phù hợp để nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng.

- Từng bước thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp FDI từ các nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt trong lĩnh vực trồng rừng nguyên liệu công nghiệp, chế biến lâm sản và chuyển giao công nghệ.

## **III. Cân đối nguồn vốn thực hiện Kế hoạch bảo vệ phát triển rừng năm 2015:**

### **1. Dự kiến tổng dự toán nhu cầu vốn:**

Tổng nhu cầu vốn đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2015 theo các nội dung yêu cầu tại Công văn số 2066/BNNTCLN ngày 26/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT là **219.280 triệu đồng**. Trong đó:

- |                                    |                    |
|------------------------------------|--------------------|
| - Ngân sách Trung ương:            | 74.382 triệu đồng. |
| - Ngân sách địa phương:            | 26.680 triệu đồng. |
| - Nguồn DVMTR cho giao khoán QLBR: | 19.007 triệu đồng. |
| - Vốn Doanh nghiệp:                | 99.211 triệu đồng. |

*(chi tiết tại Biểu 03 kèm theo)*

### **2. Cơ chế huy động vốn:**

- Tranh thủ tối đa và tổ chức có hiệu quả các nguồn vốn ngân sách nhà nước cân đối cho bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, trồng rừng phòng hộ và



đặc dụng, hỗ trợ trồng rừng sản xuất, chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng... theo Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 – 2015; Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; Quyết định số 2284/QĐ-TTg ngày 13/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án “Triển khai Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng”; Quyết định số 66/QĐ-TTg ngày 09/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015; Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020; Thông tư số 46/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số vấn đề về tài chính khi sắp xếp đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh; Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2011 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT Hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Nguồn vốn vay, tín dụng, nguồn tự có tập trung cho bảo vệ và phát triển rừng sản xuất; cho khai thác chế biến tiêu thụ lâm sản. Các hoạt động mang tính chất sản xuất kinh doanh rừng.

- Huy động nguồn vốn thu từ phí dịch vụ môi trường rừng.

### **3. Tổ chức thực hiện:**

Để thực hiện tốt kế hoạch cần có sự chỉ đạo và giám sát chặt chẽ của Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Đắk Lắk, sự phối hợp đồng bộ của các Sở, Ban ngành trong tỉnh, các cấp chính quyền địa phương và nỗ lực phấn đấu của các chủ rừng, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, với những chương trình, kế hoạch của từng cấp, ngành triển khai chi tiết các nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch.

### **IV. Kiến nghị:**

1. Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đắk Lắk năm 2015 được xây dựng xuất phát từ kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp, Vườn quốc gia Chư Yang Sin, các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 được phê duyệt tại Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Kế hoạch bảo vệ và Phát triển rừng trung hạn giai đoạn 2013-2015; kế hoạch chi trả DVMTR năm 2014 cho các chủ rừng và từ nhu cầu thực tế của địa phương. Đây là cơ sở quan trọng cho tiến trình quản lý sử dụng rừng bền vững, góp phần giảm và ngăn chặn tình trạng phá rừng trái phép. Các cấp thẩm quyền sớm xem xét phê chuẩn kế hoạch để có cơ sở thực hiện.

2. Nhà nước đảm bảo đủ kinh phí và cấp kinh phí kịp thời cho các hoạt động kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.



3. Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp, theo đó toàn bộ rừng tự nhiên nếu không thuộc diện đưa vào kinh doanh mà chỉ quản lý bảo vệ thì sẽ do Nhà nước đầu tư kinh phí đặt hàng các đơn vị được giao quản lý rừng để bảo vệ đầu tư phát triển rừng. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có phương án giải quyết về kinh phí 5.182 triệu đồng (trong kế hoạch năm 2015) quản lý bảo vệ diện tích rừng sản xuất 25.912ha cho địa phương để triển khai thực hiện. Đây đang là vấn đề rất bức xúc của nhiều Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp quản lý rừng tự nhiên vì áp lực xâm hại rừng đang rất lớn.

4. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tạo điều kiện giúp đỡ để tỉnh Đắk Lắk được tiếp nhận các dự án có liên quan đến phát triển rừng trồng nguyên liệu, các chương trình, dự án ODA liên quan khác về phát triển rừng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về việc xây dựng Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2015 của tỉnh theo các nội dung yêu cầu tại Công văn số 2066/BNN-TCLN ngày 26/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c)
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, NV, BCH Quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh ;
- Các phòng thuộc VP ;
- Lưu: VT, NN.MT ( 30 b- V).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đinh Văn Khiết**



# BIỂU 01: CHI TIẾT KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG NĂM 2015

(Kèm theo Báo cáo số: 152/BC-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Đơn vị	Trồng rừng (ha)						Trồng rừng thay thế (ha)			Chăm sóc rừng (ha)			Cải tạo rừng (ha)	Trồng cây phân tán (cây)
		Tổng số	Trong đó					Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó			
			Rừng PH	Rừng ĐĐ	Rừng Sản xuất				TR thay thế DT chuyên sang làm thủy điện	TR thay thế DT chuyển sang mục đích khác		Phòng hộ, Đặc dụng	Sản xuất		
					Tổng	Trồng mới	Trồng lại								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	3.450,0	200,0	50,0	3.200,0	2.200,0	1.000,0	623,0	423,0	200,0	10.443,3	459,7	9.983,6	1.901	2.000.000
I	Các Công ty Lâm nghiệp	2.800,0	200,0	0,0	2.600,0	1.800,0	800,0	0,0	0,0	0,0	6.440,8	307,5	6.133,3	1.201	0
1	Cty TNHH MTV LN Ea H'Mơ (H. Ea Súp)	0,0			0,0			0,0			0,0			100	
2	Cty TNHH MTV LN Ya Lốp (H. Ea Súp)	0,0			0,0			0,0			0,0			239	
3	Cty TNHH MTV LN Rừng Xanh (H. Ea Súp)	200,0			200,0	200,0		0,0			120,0		120,0		
4	Cty TNHH MTV LN Buôn Za Wằm (H. Cư M'gar)	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0							
5	Cty TNHH MTV LN Ea Kar (H.Ea Ka)	350,0	100,0		250,0	50,0	200,0	0,0			1.016,0		1.016,0		
6	Cty TNHH MTV LN Ea H'Leo (H. Ea H'leo)	100,0			100,0	100,0		0,0			300,0		300,0	222	
7	Cty TNHH MTV LN Chư Phá (H. Ea H'leo)	100,0			100,0	100,0		0,0			300,0		300,0		
8	Cty TNHH MTV LN Buôn Wing (H. Cư M'gar)	0,0			0,0			0,0			80,0		80,0	130	
9	Cty TNHH MTV LN Lắk (H. Lắk)	100,0			100,0		100,0	0,0			238,0	44,0	194,0		
10	Cty TNHH MTV LN M'Đrăk (H. M'Đrăk)	400,0			400,0		400,0	0,0			587,3		587,3		
11	Cty TNHH MTV LN Krông Bông (H. Krông Bông)	500,0			500,0	400,0	100,0	0,0			1.770,0		1.770,0	40	
12	Cty TNHH MTV LN Thuần Mẫn (H. Ea H'leo)	0,0			0,0			0,0			0,0				
13	Cty TNHH MTV LN Chư Ma Lanh (H. Ea Súp)	600,0	100,0		500,0	500,0		0,0			163,0	163,0		200	
14	Cty TNHH MTV LN Phước An (H. Krông Păk)	250,0			250,0	250,0		0,0			1.350,0		1.350,0		
15	Cty TNHH MTV LN Ea Wy (H. Ea H'leo)	200,0			200,0	200,0		0,0			516,5	100,5	416,0	270	
II	Các Doanh nghiệp tư nhân	500,0	0,0	0,0	500,0	300,0	200,0	0,0	0,0	0,0	1.099,4	0,0	1.099,4	0	0
1	Cty NLG Dak Lak (H. Lắk)	300,0			300,0	300,0		0,0			20,0		20,0		



TT	Đơn vị	Trồng rừng (ha)						Trồng rừng thay thế (ha)			Chăm sóc rừng (ha)			Cải tạo rừng (ha)	Trồng cây phân tán (cây)
		Tổng số	Trong đó					Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó			
			Rừng PH	Rừng ĐĐ	Rừng Sản xuất				IR thay thế DT chuyển sang lâm thủy điện	TR thay thế DT chuyển sang mục đích khác		Phòng hộ, Đặc dụng	Sản xuất		
					Tổng	Trồng mới	Trồng lại								
2	Cty CP TR Trường Thành (H. Krông năng)	0,0			0,0			0,0			110,0		110,0		
3	Cty CP LN Trường Thành (H. Lắk)	0,0			0,0			0,0			96,0		96,0		
4	Cty TNHH Bảo Lâm (H. Krông Ana)	200,0			200,0		200,0	0,0			274,5		274,5		
5	C ty TNHH MTV LN Hiệp Lợi (H. M'Đrăk)	0,0			0,0			0,0			185,0		185,0		
6	Doanh nghiệp TN Phan Thuận (H. Ea Súp)	0,0			0,0			0,0			199,4		199,4		
7	Doanh nghiệp TN Phan Hồng (H. Ea Súp)	0,0			0,0			0,0			214,5		214,5		
8	Công ty TNHH Sanh Chiến	0,0			0,0			0,0			190,0		190,0		
III	Các BQL rừng PH, ĐĐ và Vườn quốc gia	50,0	0,0	50,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	727,0	152,2	574,8	700	11.500
1	Vườn quốc gia Chư Yang sin (H. Krông Bông)	0,0			0,0			0,0			0,0				11.500
2	BQL KBT thiên nhiên Ea Sô (H. Ea Ka)	50,0		50,0	0,0			0,0			100,0	100,0			
3	Ban Qản lý rừng đặc dụng Nam Kar (H. Lắk)	0,0			0,0			0,0			0,0				
4	BQLR Lịch sử Văn hóa - MT Hồ Lắk (H. Lắk)	0,0			0,0			0,0			0,0				
5	BQL rừng phòng hộ Buôn Đôn (H. Buôn Đôn)	0,0			0,0			0,0			0,0			700	
6	BQLR PH đầu nguồn Krông Năng (H. Krông Năng)	0,0			0,0			0,0			0,0				
7	BQL khu bảo tồn thông nước Ea Ral (H. Ea H'leo)	0,0			0,0			0,0			52,2	52,2			
8	BQL rừng phòng hộ Núi Vọng phu (H. MĐrăk)	0,0			0,0			0,0			574,8		574,8		
IV	Các huyện, thị xã, thành phố	100,0	0,0	0,0	100,0	100,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2.176,1	0,0	2.176,1	0	1.988.500
1	Huyện M'Đrăk	0,0			0,0			0,0			889,0		889,0		175.000
2	Huyện Krông Ana	100,0			100,0	100,0		0,0			0,0				40.000
3	Huyện Lắk	0,0			0,0			0,0			719,5		719,5		450.000
4	Huyện Krông Bông	0,0			0,0			0,0			266,8		266,8		300.000
5	Huyện Ea H'Leo	0,0			0,0			0,0			0,0				27.000
6	Huyện Krông Păk	0,0			0,0			0,0			0,0				35.000



TT	Đơn vị	Trồng rừng (ha)						Trồng rừng thay thế (ha)			Chăm sóc rừng (ha)			Cải tạo rừng (ha)	Trồng cây phân tán (cây)
		Tổng số	Trong đó					Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó			
			Rừng PH	Rừng ĐĐ	Rừng Sản xuất				TR thay thế DT chuyển sang làm thủy điện	TR thay thế DT chuyển sang mục đích khác		Phòng hộ, Đặc dụng	Sản xuất		
					Tổng	Trồng mới	Trồng lại								
7	Huyện Ea Kar	0,0			0,0			0,0			300,8		300,8		13.500
8	Huyện Cư Kuin	0,0			0,0			0,0			0,0				120.000
9	Huyện Krông Năng	0,0			0,0			0,0			0,0				173.000
10	Huyện Krông Buk	0,0			0,0			0,0			0,0				55.000
11	Huyện Buôn Đôn	0,0			0,0			0,0			0,0				500.000
12	Huyện Cư M'Gar	0,0			0,0			0,0			0,0				20.000
13	Huyện Ea Súp	0,0			0,0			0,0			0,0				15.000
14	Thị xã Buôn Hồ	0,0			0,0			0,0			0,0				10.000
15	Thành phố Buôn Ma Thuột	0,0			0,0			0,0			0,0				55.000
V	Cac đơn vị trồng rừng thay thế	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	623,0	423,0	200,0					
	Dự án thủy điện Sêrê Pốc							250,0	250,0						
	Tthủy điện Krông K'mar							90,0	90,0						
	Thủy điện Ea Súp 3							33,0	33,0						
	Thủy điện Ea Đrăng 2							39,0	39,0						
	Thủy điện Ea M'Đoal 2							11,0	11,0						
	Dự án sắp xếp ổn định khu vực đồn biên phòng 739 huyện Ea Súp							123,0		123,0					
	Khu định canh, định tu huyện Lắk, Công trình đường tránh ngập							77,0		77,0					



## BIỂU 02: CHI TIẾT KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG NĂM 2015

(Kèm theo Báo cáo số: 152 /BC-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Đơn vị	Khoản bảo vệ rừng (ha)									Khoanh nuôi tái sinh (ha)		Vốn địa phương		Vốn TW	
		Tổng (ha)	Chia ra các nguồn								Tổng (ha)	Chia ra		Xây dựng Trạm QL BV rừng (ha)	Công trình PCCC rừng (Công trình)	Xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp (Km)
			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Địa phương				Quỹ DVM T R (ha)		KNTS mới (ha)	KNTS chuyển tiếp (ha)			
			Tổng (ha)	Rừng PH (ha)	BV rừng đặc dụng (ha)	BV rừng đặc dụng theo QĐ 24 (ha)	hỗ trợ thôn/buôn vùng đệm rừng ĐĐ theo QĐ 24 (thôn/buôn)	BV rừng SX đặt hàng theo NQ30BC T(ha)	BV rừng SX nghèo kiệt (ha)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	14	15	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG	255.425	25.480	25.480	0	20.469	97	25.912	66.952	112.212	4.400	100	4.300	8	26	75
I	Các Công ty Lâm nghiệp	107.826	11.864	11.864	0	0	0	25.912	59.000	10.650	400	0	400	3	15	65
1	Cty TNHH MTV LN Ea H'Mơ (H. Ea Súp)	17.191	3.225	3.225				8.679	5.187		100		100		1	
2	Cty TNHH MTV LN Ya Lốp (H. Ea Súp)	7.078	0					1.043	6.035		0				1	
3	Cty TNHH MTV LN Rừng Xanh (H. Ea Súp)	13.165	0					4.082	9.083		0				1	
4	Cty TNHH MTV LN Buôn Za Wằm (H. Cư M'gar)	8.062	0					1.488	6.574		0				1	
5	Cty TNHH MTV LN Ea Kar (H.Ea Ka)	5.593	885	885				920	3.417	371	0			1	1	45
6	Cty TNHH MTV LN Ea H'Leo (H. Ea H'leo)	0	0								0				1	
7	Cty TNHH MTV LN Chư Phá (H. Ea H'leo)	12.471	2.358	2.358				4.964	5.149		0				1	
8	Cty TNHH MTV LN Buôn Wíng (H. Cư M'gar)	2.488	0						2.488		0			1	1	
9	Cty TNHH MTV LN Lăk (H. Lăk)	2.185	0							2.185	0				1	
10	Cty TNHH MTV LN M'Đrăk (H. M'Đrăk)	5.309	0					1.102	3.491	416	300		300	1	1	
11	Cty TNHH MTV LN Krông Bông (H. Krông Bông)	7.175	1.297	1.297						5.878	0				1	
12	Cty TNHH MTV LN Thuận Mẩn (H. Ea H'leo)	3.899	0					1.499	2.400		0				1	
13	Cty TNHH MTV LN Chư Ma Lanh (H. Ea Súp)	12.824	3.031	3.031					9.793		0				1	



TT	Đơn vị	Khoản bảo vệ rừng (ha)								Khoanh nuôi tái sinh (ha)		Vốn địa phương		Vốn TW		
		Tổng (ha)	Chia ra các nguồn							Tổng (ha)	Chia ra		Xây dựng Trạm QL BV rừng (ha)	Công trình PCCC rừng (Công trình)	Xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp (Km)	
			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Địa phương					KNTS mới (ha)	KNTS chuyển tiếp (ha)				
			Tổng (ha)	Rừng PH (ha)	BV rừng đặc dụng (ha)	BV rừng đặc dụng theo QĐ 24 (ha)	hỗ trợ thôn/buôn vùng đệm rừng ĐD theo QĐ 24 (thôn/buôn)	BV rừng SX đặt hàng theo NQ30BC T(ha)	BV rừng SX nghèo kiệt (ha)							Quỹ DVMT R (ha)
14	Cty TNHH MTV LN Phước An (H. Krông Păk)	0	0							0				1		
15	Cty TNHH MTV LN Ea Wy (H. Ea H'leo)	10.387	1.068	1.068				2.135	5.383	1.801	0			1	20	
II	Các BQL rừng PH, ĐD và Vườn quốc gia	133.121	13.616	13.616	0	20.469	97		0	95.036	4.000	100	3.900	5	8	10
1	Vườn quốc gia Chư Yang sin (H. Krông Bông)	43.291	0				12			43.291	0			2	1	
2	BQL KBT thiên nhiên Ea Sô (H. Ea Ka)	18.411	0				5			15.511	2.900		2.900		1	
3	Ban Quản lý rừng đặc dụng Nam Kar (H. Lắk)	35.176	0			20.469	50			14.607	100	100		1	1	10
4	BQLR Lịch sử Văn hóa - MT Hồ Lắk (H. Lắk)	7.116	0				30			6.116	1.000		1.000	1	1	
5	BQL rừng phòng hộ Buôn Đôn (H. Buôn Đôn)	4.388	4.388	4.388							0				1	
6	BQLR PH đầu nguồn Krông Năng (H. Krông Năng)	7.155	3.228	3.228						3.927	0				1	
7	BQL khu bảo tồn thông nước Ea Ral (H. Ea H'leo)	0	0								0				1	
8	BQL rừng phòng hộ Núi Vọng phu (H. M'Đrăk)	17.584	6.000	6.000						11.584	0			1	1	
III	Các đơn vị khác	7.952	0	0	0	0	0		7.952	0	0	0	0	0	3	0
1	Bộ đội biên phòng tỉnh	5.314							5.314						1	
2	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	318							318						1	
3	Huyện Đội M'Đrăk	0														
4	Tỉnh đoàn Đắk Lắk	2.320							2.320						1	
IV	Các huyện, thị xã, thành phố	6.526	0	0	0	0	0		0	6.526	0	0	0	0	0	0
1	Huyện M'Đrăk	3.205								3.205						
2	Huyện Krông Ana	388								388						



TT	Đơn vị	Khoản bảo vệ rừng (ha)								Khoanh nuôi tái sinh (ha)		Vốn địa phương		Vốn TW	
		Tổng (ha)	Chia ra các nguồn							Tổng (ha)	Chia ra		Xây dựng Trạm QL BV rừng (ha)	Công trình PCCC rừng (Công trình)	Xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp (Km)
			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Địa phương					KNTS mới (ha)	KNTS chuyển tiếp (ha)			
			Tổng (ha)	Rừng PH (ha)	BV rừng đặc dụng (ha)	BV rừng đặc dụng theo QĐ 24 (ha)	hỗ trợ thôn/buôn vùng đệm rừng ĐD theo QĐ 24 (thôn/buôn)	BV rừng SX đặt hàng theo NQ30BC T(ha)	BV rừng SX nghèo kiệt (ha)	Quý DVMT R (ha)					
3	Huyện Lắk	575							575						
4	Huyện Krông Bông	2.358							2.358						
5	Huyện Ea H'Leo	0													
6	Huyện Krông Păk	0													
7	Huyện Ea Kar	0													
8	Huyện Cư Kuin	0													
9	Huyện Krông Năng	0													
10	Huyện Krông Buk	0													
11	Huyện Buôn Đôn	0													
12	Huyện Cư M'Gar	0													
13	Huyện Ea Súp	0													
14	Thị xã Buôn Hồ	0													
15	Thành phố Buôn Ma Thuột	0													



# **BIỂU 03: TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PTR NĂM 2015**

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

ĐVT: triệu đồng

ĐVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhu cầu vốn (triệu đồng)								Ghi chú
				Tổng số	Chia ra							
					Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Vốn ODA	Vốn Doanh nghiệp	Vốn của dân	Nguồn DVMTR	Nguồn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng			219.280	74.382	26.680	-	99.211	-	19.007	-	
1	Bảo vệ rừng	ha	255.425	50.803	12.478	19.317	-	-	-	19.007	-	
1.1	Khoản bảo vệ rừng	ha	112.211,8	19.007	-	-	-	-	-	19.007	-	
a	Rừng đặc dụng	ha	79.524,4	15.905						15.905		
b	Rừng phòng hộ	ha	15.511,4	3.102						3.102		
c	Rừng sản xuất	ha	17.176,0	3.435						3.435		
1.2	QLBVR phòng hộ tập trung	ha	25.480,0	5.096	5.096							
1.3	Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất nghèo kiệt	ha	66.952	13.390		13.390						
1.4	QLBVR sản xuất đặt hàng cho các Công ty Lâm nghiệp	ha	25.912	5.182	5.182,4							
1.5	Bảo vệ rừng đặc dụng theo Quyết định 24/2012/QĐ-TTg	ha	20.469	5.927	-	5.927	-	-	-	-	-	
a	Diện tích	ha	20.469	2.047		2.047						
b	Hỗ trợ cộng đồng vùng đệm các khu RDD	cộng đồng	97	3.880		3.880						
2	Khoanh nuôi tái sinh	ha	4.400	2.200	2.200							
3	Trồng rừng	ha	3.450	15.950	9.950	-	-	6.000	-	-	-	
3.1	Trồng rừng Phòng hộ	ha	200	1.720	1.720							
3.2	Trồng rừng Đặc dụng	ha	50	430	430							
3.3	Trồng rừng Sản xuất	ha	3.200	13.800	7.800	-	-	6.000	-	-	-	
-	Trồng mới	ha	2.200	10.800	4.800			6.000				



TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhu cầu vốn (triệu đồng)								Ghi chú
				Tổng số	Chia ra							
					Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Vốn ODA	Vốn Doanh nghiệp	Vốn của dân	Nguồn DVMTR	Nguồn khác	
-	Trồng lại	ha	1.000	3.000	3.000							
4	Trồng rừng thay thế	ha	623	6.230				6.230				
5	Chăm sóc rừng trồng	ha	10.443	31.238	1.287	-	-	29.951	-	-	-	
5.1	CS rừng PH, ĐD	ha	460	1.287	1.287							
5.2	CS rừng sản xuất	ha	9.984	29.951				29.951				
6	Cải tạo rừng	ha	1.901	57.030				57.030				
7	Trồng cây phân tán	cây	2.000.000	2.000		2.000						
8	Hạng mục khác*			53.830	48.467	5.363	-	-	-	-	-	
8.1	PCCCR	Ctrình	26	-								
8.2	Trồng và chăm sóc thử nghiệm mô hình cây Mắc ca	ha	10	561	561							
8.3	Dự án khẩn cấp bảo tồn voi			16.319	14.156,0	2.163						
8.4	Xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp	Km	75	-	33.750,0							
8.5	Xây dựng trạm QLVR	Trạm	8	3.200		3.200						

**Ghi chú:** Hạng mục khác (mục 8) bao gồm các dự án khẩn cấp bảo tồn voi; dự án phát triển giống cây lâm nghiệp; dự án PCCC rừng,...